TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 112/2018/HS-ST Ngày: 25 - 9 - 2018	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Tuất và ông Tạ Văn Đài.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Đại – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 129/2018/TLST- HS ngày 07 tháng 9 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2018/QĐXXST-HS ngày 13/9/2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoàng L (tên gọi khác: V), sinh năm 1985 (không rõ nơi sinh); Đăng ký thường trú: không rõ; Chỗ ở hiện nay: khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 00/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: không rõ và bà không rõ; Vợ: Bị cáo khai chung sống như vợ chồng với bà Trần Thị Mộng M, sinh năm 1995 có 03 con lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 06/01/2009 bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" và ngày 09/3/2009 tiếp tục bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt 10 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/01/2012; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2018 đến nay. (Có mặt)

2. Nguyễn Phi K (tên gọi khác: Kh), sinh năm 1979 tại Đ; Nơi cư trú: Tổ 1, thôn 2A, xã H, huyện L, tỉnh B; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn N, sinh năm 1939 và bà Phạm Thị Phi Y, sinh năm 1940; Vợ:

Vũ Thị Thùy G, sinh năm 1982 có 01 con sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

- ***Bị hại:*** **Anh Nguyễn Quốc D**, sinh năm 1980. Cư trú: Số 35/4, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. (vắng mặt)

- ***Người làm chứng***:

1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1972. Cư trú: Số 33/7, tổ 7, khu phố V, phường L, thành phố B, tỉnh Đ. (có mặt)

2. Chị Vũ Thị Kiều M, sinh năm 1984. Cư trú: Tổ 1, thôn 2A, xã H, huyện L, tỉnh B. (có mặt)

3. Anh Ngô Sĩ S, sinh năm 1988. Cư trú: Số 177, Ngô Xá, ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Đ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 22/4/2018, Nguyễn Hoàng L và Nguyễn Văn T gặp nhau tại khu vực gần lò mổ bò của anh Nguyễn Quốc D thuộc ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Đ. Lúc này T rủ L trộm cắp bò của anh D để bán lấy tiền tiêu xài thì được L đồng ý. T thuê xe ô tô tải biển số 60C-167.27 của anh Nguyễn Ngọc H, sau đó T và L dẫn xe tải trên vào lò mổ bò của anh D, lợi dụng lúc không có người, T và L trộm cắp 03 con bò gồm: 01 con bò đực loại bò Campuchia màu lông trắng trọng lượng 700kg, 01 con bò đực loại bò Việt Nam màu lông đỏ trọng lượng 510kg và 01 con bò đực loại bò Việt Nam màu lông đỏ trọng lượng 590kg đưa lên xe ô tô tải. Trước đây T biết Nguyễn Phi K làm nghề mua bán bò vì hai người là bạn bè nên sau khi trộm cắp bò T nói anh H chở 03 con bò đến nhà của K ở xã H, huyện L, tỉnh B để bán. T nói cho K biết, do L thiếu nợ tiền nên lấy trộm bò của gia đình đem bán nhưng K không đồng ý mua 03 con bò trên vì K chỉ mua bò cái sinh sản, thì T tiếp tục nhờ K tìm chỗ bán dùm 03 con bò trộm cắp được. K gọi điện cho Vũ Thị Kiều M (là em vợ của K, M làm nghề buôn bán thịt bò) nhờ bán dùm 01 con bò bị gẫy chân nên M đến mang con bò đi mổ bán, còn 02 con bò còn lại K hẹn T khi nào bán được bò sẽ gọi đến lấy tiền. M đem mổ bò và bán được 32.000.000 đồng, M đưa số tiền trên cho K, sau đó K đưa hết số tiền này cho T và L. T trả tiền thuê xe cho anh H 2.000.000 đồng, còn lại T và L chia nhau mỗi người 15.000.000 đồng tiêu xài.

Sau khi bị mất tài sản anh Nguyễn Quốc D đã làm đơn trình báo Cơ quan có thẩm quyền. Cơ quan CSĐT Công an huyện Trảng Bom đã tiến hành thu giữ 02 con bò đực loại bò Việt Nam màu lông đỏ do K giao nộp. Ngày 16/5/2018 Cơ

quan CSĐT Công an huyện đã trả lại 02 con bò trên cho anh D. Đối với con bò màu lông trắng, M đã đem mổ bán nên không thu hồi được.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Trảng Bom đã khởi tố vụ án, khởi tố các bị can theo quy định pháp luật. Đối với bị can Nguyễn Văn T bỏ trốn nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Trảng Bom đã ban hành quyết định truy nã và quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can T.

Về dân sự: Anh D đã nhận lại 02 con bò và yêu cầu bị cáo L bồi thường thiệt hại trị giá con bò màu lông trắng là 56.000.000 đồng.

Ngày 13/9/2018, bị cáo K đã tự nguyện bồi thường cho bị hại thay cho bị cáo L số tiền 15.000.000đ để khắc phục hậu quả.

Tại bản cáo trạng số 125/CT/VKS-HS ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng L về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn Phi K về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát đề nghị:

1. Về hình phạt: Bị cáo L từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù. Bị cáo K từ từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 4 năm đến 5 năm.

3. Về dân sự: Bị hại được nhận 15.000.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom do bị cáo K bồi thường thay và buộc bị cáo L bồi thường cho bị hại theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội nêu trên, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 22/4/2018, tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Đ, bị cáo Nguyễn Hoàng L (V) và đối tượng Nguyễn Văn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 03 con bò trọng lượng 1.800 kg của anh Nguyễn Quốc D với lỗi cố ý trực tiếp. Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 03/5/2018 của Hội đồng định giá UBND huyện Trảng Bom đã kết luận: 01 con bò đực loại bò Campuchia màu lông trắng trọng lượng 700kg trị giá: 56.000.000 đồng, 01 con bò đực loại bò Bô Việt Nam màu lông đỏ trọng lượng 510kg trị giá: 40.800.000 đồng, 01 con bò đực loại bò Bô Việt Nam

màu lông đỏ trọng lượng 590kg trị giá: 47.200.000 đồng, tổng trị giá 144.000.000 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu đồng). Vì vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Hoàng L (V) đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Sau khi L và T chiếm đoạt được tài sản trên, L và T đã nhờ bị cáo Nguyễn Phi K tiêu thụ tài sản. Bị cáo K không hứa hẹn trước nhưng biết rõ tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn nhận lời bán dùm tài sản là 03 con bò trọng lượng 1.800 kg cho L và T, bị cáo K đã nhờ Vũ Thị Kiều M tiêu thụ 01 con bò Campuchia màu lông trắng được 32.000.000 đồng, bị cáo giao toàn bộ số tiền trên cho L và K. T trả tiền thuê xe cho anh H 2.000.000 đồng, còn lại T và L chia nhau mỗi người 15.000.000 đồng tiêu xài. Đối với 02 con bò còn lại bị cáo chưa tiêu thụ được thì bị phát hiện nên bị cáo đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan có thẩm quyền trả cho bị hại. Vì vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Phi K đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[2] Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh Nguyễn Quốc D được pháp luật công nhận và bảo vệ. Các bị cáo tham gia với vai trò thực hành; Riêng bị cáo L đã bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" vào ngày 06/01/2009 và bị xử phạt 10 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" vào ngày 09/3/2009 đến nay đã được xóa án tích nhưng không sửa đổi mà tiếp tục phạm tội. Đối với bị cáo K nhất thời phạm tội do nể nang bạn bè. Vì vậy, cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3] Xét thấy: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Bị cáo L có con còn nhỏ và hoàn cảnh gia đình khó khăn; Bị cáo K đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả thay cho bị cáo L nên xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo L theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và bị cáo K theo điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo K là người có nhân thân tốt vì không có tiền án, tiền sự; bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; bị cáo thật sự ăn năn hối cãi và có khả năng tự cải tạo mình nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo với xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với 02 con bò, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Trảng Bom đã trả lại cho chủ sở hữu anh Nguyễn Quốc D là phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh D yêu cầu bị cáo L bồi thường 56.000.000 đồng. Bị cáo K đã tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo L số tiền 15.000.000đ và

buộc bị cáo L phải tiếp tục bồi thường cho anh D số tiền 41.000.000đ (bốn mươi mốt triệu đồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Đồng thời buộc bị cáo L phải chịu 2.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Hoàng L (tên gọi khác: V)** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Phi K (tên gọi khác: Kh)** phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng L (tên gọi khác: V)** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/5/2018.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Phi K (tên gọi khác: Kh)** 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh B giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân xã H có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự: Anh Nguyễn Quốc D được nhận số tiền mà bị cáo Nguyễn Phi K đã nộp là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, theo biên lai thu tiền số 01196 ngày 13/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng L phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Nguyễn Quốc D với số tiền 41.000.000đồng (Bốn mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày anh Nguyễn Quốc D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Hoàng L chậm trả tiền thì hàng tháng bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; Buộc bị cáo L phải nộp 2.050.000 đồng (hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai ;
- VKSND H. Trảng Bom; tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan điều tra H. Trảng Bom;
- Bị cáo; bị hại;
- THA, Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Bích Liễu